

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh K, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn D, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Anh K1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Q, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2025, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh K trình bày:

Chị và anh Nguyễn Anh K1 tìm hiểu, quen biết và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình,

dẫn đến cãi nhau thường xuyên. Ngoài ra, do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng có nhiều bất đồng trong sinh hoạt hằng ngày. Bản thân chị nghĩ đến con và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã nhiều lần nhẫn nhịn, khuyên giải anh K1 nhưng anh K1 bỏ mặc, không quan tâm gì đến những lời khuyên của chị. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Chị và anh K1 đã ly thân, không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay. Hiện nay chị và anh K1 không còn tình cảm gì với nhau. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh K1.

- Về con chung: Chị và anh K1 có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 11/4/2019 và Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày 26/9/2011. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị, do chị trực tiếp chăm sóc. Vì vậy, khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu anh K1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Nguyễn Anh K1 nhưng anh K1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh K. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh K được ly hôn anh Nguyễn Anh K1; về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Trần Nhật A và Nguyễn Trần Khánh L cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng cho con: Chị K không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có nên không xem xét. Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Thanh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Anh K1 và yêu cầu giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Trần Thị Thanh K khởi kiện thì bị đơn anh Nguyễn Anh K1 có nơi cư trú tại thôn Q, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Anh K1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thanh K và anh Nguyễn Anh K1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15/3/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh K1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Trần Thị Thanh K và anh Nguyễn Anh K1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần khuyên giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị K trình bày không còn tình cảm vợ chồng với anh K1 nên vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Nguyễn Anh K1, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, anh K1 biết chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa nên có cơ sở xác định anh Nguyễn Anh K1 cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng chị K, anh K1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị K khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh K1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh K, có căn cứ xác định: Chị Trần Thị Thanh K và anh Nguyễn Anh K1 có 02 con chung là Nguyễn Trần Nhật A, sinh

ngày 11/4/2019 và Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày 26/9/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K yêu cầu giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu về nuôi con của chị K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay 02 con chung của chị K và anh K1 đang sống cùng với chị K và do chị K trực tiếp chăm sóc, giáo dục; quá trình giải quyết vụ án, anh K1 cũng không có yêu cầu gì về việc nuôi con; đồng thời, cháu Nguyễn Trần Khánh L là con chung đã trên 07 tuổi của chị K và anh K1 có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu L, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho 02 con chung của chị K và anh K1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị Trần Thị Thanh K, giao 02 con chung là Nguyễn Trần Nhật A và Nguyễn Trần Khánh L cho chị K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị K được giao trực tiếp nuôi 02 con chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; anh K1 không có văn bản trình bày về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị Thanh K phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị K đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh K được ly hôn anh Nguyễn Anh K1.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Thanh K và anh Nguyễn Anh K1 có 02 con chung là Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 11/4/2019 và Nguyễn Trần Khánh L, sinh ngày 26/9/2011.

Giao 02 con chung Nguyễn Trần Nhật A và Nguyễn Trần Khánh L cho chị Trần Thị Thanh K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Anh K1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh K phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004749 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Phổ Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong